

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát muốn viên mãn bố thí Ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn viên mãn tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tinh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ sắc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thọ, tưởng, hành, thức, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ sắc xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ sắc giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn thức giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn xúc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ địa giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ thủy, hỏa, phong, không, thức giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn biết rõ vô minh, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; muốn biết rõ hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ tham dục, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà; muốn vĩnh viễn đoạn trừ sân giận, ngu si, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ thân kiến, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà; muốn vĩnh viễn đoạn trừ giới cấm thủ, nghi, dục, tham, sân giận, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ sắc tham, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà; muốn vĩnh viễn đoạn trừ vô sắc tham, vô minh, mạn, trạo cử, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tùy miên, kiết sử, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ tứ thực, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ hỷ bốn ách, bốn bực lưu, bốn thủ, bốn sự trói buộc thuộc thân cho đến bốn điên đảo, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn viên ly mười nghiệp đạo bất thiện, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà. Các Đại Bồ-tát muốn thọ trì tu hành mười nghiệp đạo thiện, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn bốn tịnh lự, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà; muốn viên mãn bốn vô lượng, bốn định vô sắc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn bốn niệm trụ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà; muốn viên mãn bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn mười lực Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà; muốn viên mãn bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn nhập vào Giác phân đẳng trì một cách tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn nhập vào Sư Tử du hý đẳng trì cho đến Sư Tử phân tán đẳng trì một cách tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn được tự tại tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đà.

Các Đại Bồ-tát muốn nhập vào Xuất kiến hành đẳng trì, Bảo ấn đẳng trì, Nguyệt quang đẳng trì, Nguyệt tràng tướng đẳng trì, nhập vào Nhất thiết pháp ấn đẳng trì, Quán ấn đẳng trì, Pháp giới quyết

định đẳng trì, Quyết định tràng tướng đẳng trì, Kim cương dụ đẳng trì, nhập vào pháp môn đẳng trì, Đẳng trì vương đẳng trì, Vương ấn đẳng trì, Lực nghiêm đẳng trì, Bảo khiếp đẳng trì, nhập vào Nhất thiết pháp ngôn từ quyết định đẳng trì, nhập vào Nhất thiết pháp trí an thọ đẳng trì, Quán sát thập phương đẳng trì, Nhất thiết pháp ấn pháp môn Đà-la-ni đẳng trì, Bất vọng chư pháp đẳng trì, Nhất thiết pháp đẳng thứ hành tướng ấn đẳng trì, Trụ hư không xứ đẳng trì, Tam luân thanh tịnh đẳng trì, Tùy thuận bất thối thân thông đẳng trì, Khí trung dũng xuất đẳng trì, Thắng định tràng tướng đẳng trì, Hàng phục phiền não đẳng trì, Phá tứ ma quân đẳng trì, Thành tựu thập lực đẳng trì v.v... và vô lượng, vô biên đẳng trì khác đều được tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn tất cả những ước nguyện của hữu tình, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát muốn viên mãn tất cả căn lành thù thắng, nhờ căn lành này mà được viên mãn nên không đọa vào các đường ác, không sanh vào nhà bần cùng, không rơi vào Thanh văn địa, không rơi vào Độc giác địa, không rơi vào định Định quyết của Bồ-tát, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Sao gọi là từ địa vị cao rơi xuống địa vị thấp của Bồ-tát?

Thiện Hiện trả lời:

- Nếu Các Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo để tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo trụ vào đẳng trì không, vô tướng, vô nguyện thì rơi trở lại địa vị Thanh văn hoặc Độc giác, không đắc địa vị chánh quyết định của Bồ-tát, không nhập vào Chánh tánh ly sanh của Bồ-tát. Như vậy gọi là Bồ-tát từ địa vị cao rơi xuống địa vị thấp.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Sanh là pháp gì?

Thiện Hiện trả lời:

- Sanh gọi là Bồ-tát tùy thuận theo pháp ái.

Xá-lợi Tử hỏi:

- Sao gọi là Bồ-tát tùy thuận theo pháp ái?

Thiện Hiện trả lời:

- Các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ vào sắc không mà sanh vọng tưởng và chấp trước; an trụ vào thọ, tưởng, hành, thức không nên sanh vọng tưởng và chấp trước.

An trụ vào vô tướng của sắc nên vọng tưởng và chấp trước, an trụ vào vô tướng của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước.

An trụ vào vô nguyện của sắc mà vọng tưởng và chấp trước, an trụ vào vô nguyện của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước.

An trụ vào tịch tịnh của sắc mà vọng tưởng và chấp trước, an trụ vào tịch tịnh của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước.

An trụ vào sự viễn ly của sắc mà vọng tưởng và chấp trước, an trụ vào sự viễn ly của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước.

An trụ vào sự vô thường của sắc mà vọng tưởng và chấp trước, an trụ vào sự vô thường của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước.

An trụ vào khổ của sắc mà sanh vọng tưởng và chấp trước, an trụ vào khổ của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước.

An trụ vào vô ngã của sắc mà vọng tưởng và chấp trước, an trụ vào vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước.

An trụ vào bất tịnh của sắc mà vọng tưởng và chấp trước, an trụ vào bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức mà vọng tưởng và chấp trước.

Này Xá-lợi Tử! Đó là Đại Bồ-tát tùy thuận với pháp ái. Pháp ái này gọi là sanh.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Nếu Đại Bồ-tát khi nghĩ như vậy: Sắc này nên đoạn, nhờ đây mà sắc sẽ đoạn; thọ, tưởng, hành, thức này nên đoạn, do đây thọ, tưởng, hành, thức sẽ đoạn. Khổ này nên biến tri, do đây mà khổ sẽ biến tri. Tập này nên đoạn hẳn, nhờ đây mà tập sẽ đoạn hẳn. Diệt này nên chứng, nhờ đây mà diệt sẽ chứng đắc. Đạo này nên tu tập, nhờ đây mà đạo được tu tập. Đây là tạp nhiễm, đây là thanh tịnh. Đây nên gần gũi, đây không nên gần gũi. Điều này nên tu hành, điều này không nên tu hành. Đây là đạo, đây là phi đạo. Điều này nên tu tập, điều này không nên tu tập. Điều này nên học, điều này không nên học. Đây là bố thí Ba-la-mật-đa, đây chẳng phải bố thí Ba-la-mật-đa. Đây là tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; đây chẳng phải là tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đây là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát, đây chẳng phải là phương tiện của Bồ-tát. Đây là Bồ-tát sanh, đây là Bồ-tát ly sanh.

Này Xá-lợi Tử! Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ vào tất cả pháp môn này nên vọng tưởng và chấp trước, thì

đó là Bồ-tát tùy thuận với pháp ái. Pháp ái này gọi là sanh. Giống như thức ăn sống, để cách đêm thì sẽ có hại. Trừ bỏ đi gọi là ly sanh.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Sao gọi là Đại Bồ-tát nhập vào Chánh tánh ly sanh của Bồ-tát?

Thiện Hiện trả lời:

- Vì Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy pháp nội Không, không nương vào pháp nội Không mà quán pháp ngoại Không. Không thấy pháp ngoại Không; không nương vào pháp ngoại Không mà quán pháp nội Không. Không nương vào pháp ngoại Không mà quán pháp nội ngoại Không. Không thấy pháp nội ngoại Không; không nương vào pháp nội ngoại Không mà quán pháp ngoại Không. Không nương vào pháp nội ngoại Không mà quán pháp đại Không. Không thấy pháp đại Không; không nương vào pháp đại Không mà quán pháp nội ngoại Không, không nương vào pháp đại Không mà quán pháp Không Không. Không thấy pháp Không Không; không nương vào pháp Không Không mà quán pháp đại không, không nương vào pháp Không Không mà quán pháp thắng nghĩa Không. Không thấy pháp thắng nghĩa Không; không nương vào pháp thắng nghĩa Không mà quán pháp Không Không, không nương vào pháp thắng nghĩa Không mà quán pháp hữu vi Không. Không thấy pháp hữu vi Không; không nương vào pháp hữu vi Không mà quán pháp thắng nghĩa Không, không nương vào pháp hữu vi Không mà quán pháp vô vi Không. Không thấy pháp vô vi Không; không nương vào pháp vô vi Không mà quán pháp hữu vi Không, không nương vào pháp vô vi Không mà quán pháp tất cánh (rốt ráo) Không. Không thấy pháp tất cánh Không; không nương vào pháp tất cánh Không mà quán pháp vô vi Không, không nương vào pháp tất cánh Không mà quán pháp vô tế Không. Không thấy pháp vô tế Không; không nương vào pháp vô tế Không mà quán pháp tất cánh Không, không nương vào pháp vô tế Không mà quán pháp vô tán Không. Không thấy pháp vô tán Không; không nương vào pháp vô tán Không mà quán pháp vô tế Không, không nương vào pháp vô tán Không mà quán pháp bản tính Không. Không thấy pháp bản tính Không; không nương vào pháp bản tính Không mà quán pháp vô tán Không, không nương vào pháp bản tính Không mà quán pháp tướng Không. Không thấy pháp tướng Không; không nương vào pháp tướng Không mà quán pháp bản tính Không, không nương vào pháp tướng Không mà quán nhất thiết pháp Không. Không thấy nhất thiết pháp Không; không nương vào nhất thiết pháp Không mà quán pháp tướng Không, không nương vào nhất

thiết pháp Không mà quán pháp vô tính Không. Không thấy pháp vô tính Không; không nương vào pháp vô tính Không mà quán nhất thiết pháp Không, không nương vào pháp vô tính Không mà quán pháp vô tính tự tính Không. Không thấy pháp vô tính tự tính Không, không nương vào pháp vô tính tự tính Không mà quán pháp vô tính Không.

Này Xá-lợi Tử! Khi Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán như vậy rồi, gọi là nhập vào Chánh tánh ly sanh của Bồ-tát.

Thiện Hiện nói tiếp:

- Này Xá-lợi Tử! Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, nghĩa là:

Đối với sắc và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với thọ, tưởng, hành, thức và danh nên biết, không nên chấp trước.

Đối với nhãn xứ và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và danh nên biết, không nên chấp trước.

Đối với sắc xứ và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và danh nên biết, không nên chấp trước.

Đối với nhãn giới và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới và danh nên biết, không nên chấp trước.

Đối với sắc giới và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới và danh nên biết, không nên chấp trước.

Đối với nhãn thức giới và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới và danh nên biết, không nên chấp trước.

Đối với bố thí Ba-la-mật-đa và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và danh nên biết, không nên chấp trước.

Đối với bốn tịnh lự và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với bốn vô lượng, bốn định vô sắc và danh nên biết, không nên chấp trước.

Đối với bốn niệm trụ và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo và danh nên biết, không nên chấp trước.

Đối với năm loại mắt và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với sáu phép thần thông và danh nên biết, không nên chấp trước.

Đối với mười lực Phật và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi,

đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng và danh nên biết, không nên chấp trước.

Như vậy, này Xá-lợi Tử! khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tâm Bồ-đề và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với tâm vô đẳng đẳng và danh nên biết, không nên chấp trước; đối với tâm quảng đại và danh nên biết, không nên chấp trước. Vì sao? Xá-lợi Tử! Vì tâm ấy chẳng phải bản tánh thanh tịnh của tâm.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Sao gọi là bản tánh thanh tịnh của tâm?

Thiện Hiện trả lời:

- Bản tánh của tâm không tương ưng, chẳng phải không tương ưng với tham. Chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng với sân. Chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng với si. Chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng với kiết sử tùy miên, kiến thủ và chương. Chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng với tâm Thanh văn, Độc giác.

Này Xá-lợi Tử! Các Đại Bồ-tát biết tâm với bản tánh thanh tịnh như vậy.

Xá-lợi Tử lại hỏi Thiện Hiện:

- Tâm ấy chẳng phải là tánh của tâm hay sao?

Thiện Hiện hỏi lại:

- Chẳng lẽ trong tánh của tâm có tánh vô tánh có thể đắc sao?

Xá-lợi Tử nói với Thiện Hiện:

- Không có!

Thiện Hiện trả lời:

- Chẳng phải trong tánh của tâm có tánh không tánh đều bất khả đắc. Vì sao có thể nói tâm ấy là có hay không có tâm tánh?

Xá-lợi Tử lại hỏi Thiện Hiện:

- Những gì là chẳng phải tánh của tâm?

Thiện Hiện trả lời:

- Với tất cả pháp không biến đổi, không phân biệt. Đó gọi là chẳng phải tánh của tâm?

Xá-lợi Tử hỏi:

- Chẳng lẽ tâm không biến đổi, không phân biệt mà những pháp khác cũng không biến đổi, không phân biệt hay sao?

Thiện Hiện trả lời:

- Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì nhãn xứ cho đến ý xứ cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì sắc xứ cho đến pháp xứ cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì nhãn giới cho đến ý giới cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì sắc giới cho đến pháp giới cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì địa giới cho đến thức giới cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì vô minh cho đến lão tử cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì mười lực Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng không biến đổi, không phân biệt.

Nếu tâm không biến đổi, không phân biệt thì cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cũng không biến đổi, không phân biệt.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử khen Thiện Hiện:

- Lành thay! Lành thay! Ông nói rất đúng. Ông đúng là một Phật tử từ tâm Phật sanh ra, từ kim khẩu Phật sanh ra, từ pháp Phật sanh ra, từ pháp giáo hóa sanh ra, nhận phần Phật pháp, không nhận phần tài sản. Ở trong pháp Phật được tự thân chứng tuệ nhãn hiện tiền, có thể giảng nói bất cứ điều gì. Phật thường nói: Trong chúng Thanh văn ông là người đệ nhất về việc trụ vào định Vô tránh. Những gì Phật nói ra chon thật bất hư. Các Đại Bồ-tát nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ-tát nào học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì nên biết: Vị ấy đã trụ vào địa vị Bất thối chuyển, không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể như thật quán thật tánh của các pháp.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... muốn học Thanh văn địa, nên siêng năng lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, kiên trì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, theo lý tư duy, suy xét, quán sát để đạt đến cứu cánh. Vị nào muốn học Độc giác địa cũng phải siêng năng lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, kiên trì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, tư duy đúng lý, suy xét, quán sát rõ ràng, để đạt đến cứu cánh. Vị nào muốn học Bồ-tát địa và Như Lai địa cũng nên siêng năng lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, kiên trì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, tư duy đúng lý, suy xét, quán sát rõ ràng để đạt đến cứu cánh.

Vì sao? Này Thiện Hiện! Như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có nói và chỉ dạy rõ ràng về pháp của ba thừa. Nếu Đại Bồ-tát có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì đối với tất cả pháp của ba thừa đã học đều được thiện xảo.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát, con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, vậy sao Ngài dạy con phải truyền trao, chỉ dạy Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa con không biết, không đắc, cũng không thấy. Nếu con đem Bát-nhã ba-la-mật-đa truyền trao, chỉ dạy cho các Đại Bồ-tát thì chắc chắn con sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn! Đối với các pháp con không biết, không đắc, cũng không thấy. Nếu con đem các pháp truyền trao, chỉ dạy cho các Đại Bồ-tát nhất định con sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn! Đối với các pháp không tăng, không giảm con không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là Đại Bồ-tát, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn! Tên của các Đại Bồ-tát và tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì hai nghĩa này là vô sở hữu; cả hai tên này đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với sắc cho đến thức tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là sắc cho đến thức, tên của sắc v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc v.v... ấy là vô sở hữu, nên tên của sắc v.v... ấy hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với nhãn xứ cho đến ý xứ tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là

nhãn xứ cho đến ý xứ. Tên của nhãn xứ v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn xứ v.v... là vô sở hữu, nên tên của nhãn xứ v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với sắc xứ cho đến pháp xứ tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là sắc xứ cho đến pháp xứ. Tên của sắc xứ v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc xứ v.v... là vô sở hữu, nên tên của sắc xứ v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với nhãn giới cho đến ý giới tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là nhãn giới cho đến ý giới. Tên của nhãn giới v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn giới v.v... là vô sở hữu, nên tên của nhãn giới v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với sắc giới cho đến pháp giới tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là sắc giới cho đến pháp giới. Tên của sắc giới v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của sắc giới v.v... là vô sở hữu, nên tên của sắc giới v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với nhãn thức giới cho đến ý thức giới tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Tên của nhãn thức giới v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn thức giới v.v... là vô sở hữu, nên tên của nhãn thức giới v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với nhãn xúc cho đến ý xúc tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là nhãn xúc cho đến ý xúc. Tên của nhãn xúc v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của nhãn xúc v.v... là vô sở hữu, nên tên của nhãn xúc v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. Tên của nhãn xúc v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải

không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra v.v... là vô sở hữu, nên tên của các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với vô minh cho đến lão tử tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là vô minh cho đến lão tử. Tên của vô minh v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của vô minh v.v... là vô sở hữu, nên tên của vô minh v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với vô minh diệt cho đến lão tử diệt, tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là vô minh diệt cho đến lão tử diệt. Tên của vô minh diệt v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của vô minh diệt v.v... là vô sở hữu, nên tên của vô minh diệt v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với tham, sân, si cho đến các kiết sử, tùy miên, kiến thủ tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là tham v.v... Tên của tham v.v... ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tham v.v... ấy là vô sở hữu, nên tên của tham v.v... ấy hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tên của bố thí v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của bố thí v.v... là vô sở hữu, nên tên của bố thí v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với ngã cho đến người thấy tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là ngã cho đến người thấy. Tên của ngã v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của ngã v.v... là vô sở hữu, nên tên của ngã v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo. Tên của bốn niệm trụ v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của bốn niệm trụ v.v... là vô sở hữu, nên tên của bốn niệm trụ v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với ba pháp môn giải thoát tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là ba pháp môn giải thoát. Tên của ba pháp môn giải thoát v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của ba pháp môn giải thoát v.v... là vô sở hữu, nên tên của ba pháp môn giải thoát v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Tên của bốn tịnh lự v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của bốn tịnh lự v.v... là vô sở hữu, nên tên của bốn tịnh lự v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với tùy niệm Phật, tùy niệm pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm xả, tùy niệm thiên, tùy niệm hơi thở, tùy niệm chết tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là tùy niệm Phật cho đến tùy niệm chết. Tên của tùy niệm Phật v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tùy niệm Phật v.v... là vô sở hữu, nên tên của tùy niệm Phật v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là năm loại mắt, sáu phép thần thông. Tên của năm loại mắt v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của năm loại mắt v.v... là vô sở hữu, nên tên của năm loại mắt v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với mười lực Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là mười lực Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Tên của mười lực Phật v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của mười lực Phật v.v... là vô sở hữu, nên tên của mười lực Phật v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với năm thủ uẩn như mộng, như ánh sáng, như tiếng vọng, như quang năng, như bóng dáng, như trăng trong nước, như huyền hóa, như biến hóa v.v... tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là năm ngũ uẩn như mộng v.v... Tên của năm thủ uẩn như mộng v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của năm

thủ uẩn như mộng v.v... vô sở hữu, nên tên của năm thủ uẩn như mộng v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với viên ly, tịch tịnh, không sanh, không diệt, không thành, không hoại, không nhiễm, không tịnh, chơn như, pháp giới, pháp trụ, pháp định, thật tế tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là viên ly cho đến thật tế. Tên của viên ly v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của viên ly v.v... là vô sở hữu, nên tên của viên ly v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu. Tên của hữu vi v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của hữu vi v.v... là vô sở hữu, nên tên của hữu vi v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với pháp quá khứ, vị lai, hiện tại tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại. Tên của quá khứ v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của quá khứ v.v... là vô sở hữu, nên tên của quá khứ v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng v.v... tăng hay giảm ở hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp mười phương con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng v.v... Tên của mười phương v.v... đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của mười phương v.v... là vô sở hữu, nên tên của mười phương v.v... hoàn toàn không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với các pháp tăng hay giảm đã nói ở trên con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì tại sao nói đây là Đại Bồ-tát, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa và Đại Bồ-tát con không biết, không đắc, cũng không thấy, thì làm sao con đem Bát-nhã ba-la-mật-đa để truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn! Tên của các Đại Bồ-tát và tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì hai nghĩa này là vô sở hữu, nên cả hai tên này đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Như vậy, các pháp do nhân duyên hòa hợp nên giả gọi là Đại Bồ-tát, giả gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như vậy, trong uẩn xứ giới là giả danh nên không thể nói, cho đến trong mười tám pháp Phật bất cộng cũng không thể nói. Như vậy, trong năm thủ uẩn như mộng cho đến như biến hóa không thể nói; trong tịch tịnh, viễn ly v.v... không thể nói. Cho đến trong tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng v.v... trong hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp mười phương cũng không thể nói. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Các pháp tăng giảm nói ở trên con không biết, không đắc, cũng không thấy.

Bạch Thế Tôn! Tên của năm uẩn v.v... nói như vậy, nói không có căn cứ. Tên các Đại Bồ-tát và tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có căn cứ để nói.

Như vậy, tên của như mộng v.v... không có căn cứ để nói. Tên của hư không không có căn cứ để nói. Tên của địa, thủy, hoả, phong không có căn cứ để nói. Tên của giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát trí kiến không có căn cứ để nói. Tên của Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác và các pháp khác không có căn cứ để nói. Tên của thiện, bất thiện, thường, vô thường, lạc, khổ, ngã, vô ngã, tịch tịnh, không tịch tịnh, hữu, vô v.v... đều không có căn cứ để nói. Như vậy tên của Đại Bồ-tát và tên của Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có căn cứ để nói. Vì sao? Vì các tên ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì các nghĩa ấy vô sở hữu. Các tên ấy đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Con theo nghĩa ấy nên nói: Đối với các pháp tăng hay giảm con đều không biết, không đắc, cũng không thấy, thì làm sao nói: Đây là Đại Bồ-tát, đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn! Cả hai nghĩa và tên trên, con không biết, không đắc, cũng không thấy, thì vì sao dạy con đem Bát-nhã ba-la-mật-đa để truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên này, nếu lấy các pháp ấy truyền trao, dạy bảo cho các Đại Bồ-tát, chắc chắn con sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn! Khi các Đại Bồ-tát nghe đem tướng này giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa thì tâm không đăm trước, không lo buồn, hối hận, cũng không kinh hãi, sợ sệt thì nên biết: Đại Bồ-tát ấy quyết định đã trụ vào địa Bất thối chuyển, dùng phương tiện không chỗ trụ mà trụ vào vô sở chấp trước.

Bạch Thế Tôn! Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào sắc cho đến thức. Không nên trụ vào nhãn xứ

cho đến ý xứ. Không nên trụ vào sắc xứ cho đến pháp xứ. Không nên trụ vào nhãn giới cho đến ý giới. Không nên trụ vào sắc giới cho đến pháp giới. Không nên trụ vào nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Không nên trụ vào nhãn xúc cho đến ý xúc. Không nên trụ vào các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. Không nên trụ vào địa giới cho đến thức giới. Không nên trụ vào vô minh cho đến lão tử.

Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì sắc và tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không.

Bạch Thế Tôn! Sắc không ấy chẳng phải sắc. Sắc không lia không, không chẳng lia sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Do nhân duyên này mà khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào sắc cho đến thức. Như vậy cho đến lão tử cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ vào bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì bốn niệm trụ và tánh của bốn niệm trụ là không. Bạch Thế Tôn! Bốn niệm trụ không ấy chẳng phải bốn niệm trụ. Bốn niệm trụ không lia không, không chẳng lia bốn niệm trụ. Bốn niệm trụ tức là không, không tức là bốn niệm trụ. Cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng như vậy. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ vào bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Bạch Thế Tôn! Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ vào bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì bố thí và tánh của bố thí không. Bạch Thế Tôn! Bố thí không ấy chẳng phải bố thí. Bố thí không lia không, không chẳng lia bố thí. Bố thí tức là không, không tức là bố thí. Cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng như vậy. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào các chữ, không nên trụ vào sự tiếp nối của các chữ, nghĩa là một, hai hay nhiều sự tiếp nối. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì các chữ và tánh của các chữ là không. Bạch Thế Tôn! Các chữ không ấy chẳng phải các chữ. Các chữ không lia không, không chẳng lia các chữ. Các chữ tức là không, không tức là các chữ. Sự tiếp nối các chữ cũng đều như vậy. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ vào các chữ và sự tiếp nối các chữ.

Bạch Thế Tôn! Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào thần thông. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì thần thông và tánh của thần thông là không. Bạch Thế Tôn! Thần thông không ấy chẳng phải thần thông. Thần thông không lìa không, không chẳng lìa thần thông. Thần thông tức là không, không tức là thần thông. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào thần thông.

Bạch Thế Tôn! Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ vào sắc cho đến thức là thường hay vô thường, vui hay khổ, ngã hay vô ngã, tịnh hay bất tịnh, không hay bất không, hữu tướng hay vô tướng, hữu nguyện hay vô nguyện, tịch tịnh hay không tịch tịnh, viễn ly hay không viễn ly. Vì sao? Vì các pháp thường hay vô thường của sắc v.v... và pháp tánh thường hay vô thường của sắc v.v... đều không.

Bạch Thế Tôn! Pháp thường hay vô thường không của sắc v.v... chẳng phải pháp thường hay vô thường của sắc v.v... thường, vô thường của sắc không lìa không, không chẳng lìa pháp thường hay vô thường của sắc v.v... Pháp thường hay vô thường của sắc v.v... tức là không, không tức là pháp thường hay vô thường của sắc v.v... Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào sắc cho đến thức là thường hay vô thường. Pháp lạc, khổ v.v... của sắc cho đến viễn ly hay không viễn ly cũng đều như vậy.

Bạch Thế Tôn! Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế. Vì sao? Vì chơn như và tánh của chơn như là không. Bạch Thế Tôn! Chơn như và tánh của chơn như là không. Bạch Thế Tôn! Chơn như không ấy chẳng lìa chơn như. Chơn như không lìa không, không chẳng lìa chơn như. Chơn như tức là không, không tức là chơn như. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào chơn như. Pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế cũng đều như vậy.

Bạch Thế Tôn! Khi các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tánh của pháp môn Đà-la-ni là không. Bạch Thế Tôn! Pháp môn Đà-la-ni không ấy chẳng phải pháp môn Đà-la-ni. Pháp môn Đà-la-ni không lìa không, không chẳng lìa pháp môn Đà-la-ni. Pháp môn Đà-la-ni tức là không, không tức là pháp môn Đà-la-ni. Do đó, khi các Đại Bồ-tát tu

hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni. Pháp môn Tam-ma-địa cũng đều như vậy.

Bạch Thế Tôn! Khi các Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì bị chấp vào ngã và ngã sở làm quấy nhiễu tâm nên liền trụ vào sắc, trụ vào thọ, tướng, hành, thức. Do trụ vào đó mà làm gia hạnh cho sắc, làm gia hạnh cho thọ, tướng, hành, thức. Do gia hạnh nên không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì người ấy do gia hạnh nên không nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách đúng đắn, không thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thể thành tựu trí nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn! Khi Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì bị chấp vào ngã và ngã sở làm quấy nhiễu tâm, cho đến liền trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni và pháp môn Tam-ma-địa. Do trụ vào đó mà làm gia hạnh cho pháp môn Đà-la-ni và pháp môn Tam-ma-địa. Do gia hạnh nên không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì gia hạnh ấy không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa một cách đúng đắn, không thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, không thể thành tựu trí nhất thiết trí. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì sắc không thể giữ gìn; thọ, tướng, hành, thức không thể giữ gìn. Vì sắc không thể giữ gìn nên chẳng phải sắc. Vì thọ, tướng, hành, thức không thể giữ gìn nên chẳng phải thọ, tướng, hành, thức. Vì sao? Vì bản tánh của sắc cho đến thức là không.

Bạch Thế Tôn! Cho đến tất cả pháp môn Đà-la-ni không thể giữ gìn, pháp môn Tam-ma-địa cũng không thể giữ gìn. Vì pháp môn Đà-la-ni không thể giữ gìn, nên chẳng phải pháp môn Đà-la-ni. Vì pháp môn Tam-ma-địa không thể giữ gìn, nên chẳng phải pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì bản tánh pháp môn Đà-la-ni và pháp môn Tam-ma-địa đều không.

Bạch Thế Tôn! Đối với những sự giữ gìn trên mà thọ trì đúng đắn viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa thì cũng không thể giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Vì không thể giữ gìn nên chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì bản tánh không.

Như vậy, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên lấy bản tánh không mà quán tất cả pháp. Khi quán như vậy thì tâm không có chỗ hoạt động, đó gọi là Đại Bồ-tát không thể giữ gìn Tam-ma-địa. Tam-ma-địa này vi diệu thù thắng quán đại vô lượng, có thể chứa nhóm vô biên, vô ngại tác nghiệp không bị tất cả Thanh văn, Độc giác

xâm đoạt, được thành tựu trí nhất thiết trí, cũng không thể giữ gìn. Vì không thể giữ gìn nên chẳng phải là trí nhất thiết trí. Vì sao? Vì do pháp nội Không cho đến pháp vô tính tự tính Không.

Vì sao? Bạch Thế Tôn! Trí nhất thiết trí chẳng phải do thủ tướng mà tu đắc được. Vì sao? Vì những thủ tướng cũng đều là phiền não. Những gì là tướng?

Đó là: Tướng của sắc, tướng của thọ, tướng, hành, thức. Tướng của nhãn cho đến tướng của ý. Tướng của sắc cho đến tướng của pháp. Tướng của nhãn thức cho đến tướng của ý thức. Tướng của niệm trụ cho đến tướng của tám chi thánh đạo. Tướng của Ba-la-mật-đa. Tướng của thần thông. Tướng của văn tự. Tướng của mười lực cho đến tướng mười tám pháp Phật bất cộng. Pháp không, vô tướng, vô nguyên. Tướng tạo tác. Tướng chơn như, tướng pháp giới, pháp tánh, pháp định, thật tế. Tướng Đà-la-ni, tướng Tam-ma-địa.

Đối với các tướng này mà chấp trước thì gọi là phiền não. Cho nên không do thủ tướng mà tu đắc trí nhất thiết trí. Nếu thủ tướng mà tu đắc trí nhất thiết trí thì Phạm chí Thắng Quân đối với trí nhất thiết trí không thể nào tin hiểu.

Tướng tín giải là những gì? Nghĩa là sanh lòng tin sâu thanh tịnh vào Bát-nhã ba-la-mật-đa. Do lực thắng giải mà suy lường, quán sát trí nhất thiết trí, không lấy tướng làm phương tiện, cũng không lấy phi tướng làm phương tiện. Vì cả tướng và phi tướng đều không thể chấp thủ.

Phạm chí Thắng Quân ấy tuy nhờ sức tín giải qui y Phật pháp, chỉ là tùy tín hành, nhưng có thể lấy bản tánh không mà ngộ nhập vào trí nhất thiết trí. Đã ngộ nhập rồi thì không chấp thủ vào tướng của sắc, không chấp thủ tướng thọ, tướng, hành, thức, cho đến tướng pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tự tướng của tất cả pháp đều không, vì năng thủ và sở thủ đều không thể đắc.

Vì sao? Vì Phạm chí này, không lấy nội đặc hiện quán mà quán trí nhất thiết trí, không lấy ngoại đặc hiện quán mà quán trí nhất thiết trí, không lấy nội ngoại đặc hiện quán mà quán trí nhất thiết trí, không lấy vô trí đặc hiện quán mà quán trí nhất thiết trí, không lấy đặc hiện quán khác mà quán trí nhất thiết trí, không lấy bất đặc hiện quán mà quán trí nhất thiết trí. Vì sao? Vì Phạm chí không thấy trí nhất thiết trí sở quán, không thấy Bát-nhã năng quán, không thấy người quán, nơi chôn quán và thời gian quán.

Phạm chí ấy chẳng quán trí nhất thiết trí ở nội sắc, thọ, tướng, hành, thức. Cũng chẳng quán trí nhất thiết trí ở ngoại và nội ngoại sắc,

thọ, tướng, hành, thức. Cũng chẳng phải lìa sắc, thọ, tướng, hành, thức mà quán trí nhất thiết trí. Cho đến pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa cũng đều như vậy. Vì sao? Vì nội hay ngoại, nội ngoại, lìa nội ngoại tất cả đều không, không thể đắc.

Phạm chí Thắng Quân dùng các môn ly tướng như vậy đối với trí nhất thiết trí tin hiểu sâu sắc, đối với tất cả pháp đều không chấp trước, đều không chấp thủ, vì thật tướng của các pháp đều không thể đắc. Như vậy, Phạm chí sau khi dùng môn ly tướng, tin hiểu vào trí nhất thiết trí rồi, đối với tất cả pháp đều không chấp thủ vào tướng, cũng không tư duy các pháp vô tướng, vì pháp tướng vô tướng đều không thể đắc.

Nhờ lực thắng giải mà đối với tất cả pháp, Phạm chí không thủ, không xả, vì trong pháp thật tướng không thủ, xả. Phạm chí đó đối với những điều chính mình tin hiểu, cho đến Niết-bàn đều không thể chấp trước. Vì sao? Vì bản tánh của tất cả pháp đều không, không nên chấp thủ.

Quyển thứ 484
HẾT